

Bản án số:165/2022/DS-PT

Ngày:15-4-2022

V/v:“*Tranh chấp
bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Bà Võ Thị Kim Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Long - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 2000/2021/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 607/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2422/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Phạm Văn L. (*vắng mặt*)

Địa chỉ: số 2/9 Đường số 10, phường Bình Trưng T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Dương Lê P. Trú tại: 1011/4 Nguyễn X, KP Long B, phường Long B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (*có mặt*)

Đại diện theo Giấy ủy quyền lập ngày 07/12/2021 lập tại Phòng Công chứng số 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bị đơn: Công ty cổ phần Du lịch Văn hóa S.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 149 ABC Nguyễn Duy D, Phường 3, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình T. (*có mặt*)

Địa chỉ: số 68/240 Trần Quang K, phường Tân Đức, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo Giấy ủy quyền số 13/2019/GUQ lập ngày 09/4/2019.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lương Thị B. (Có đơn xin vắng mặt)

- Bà Lương Thị D. (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 262A Man Th, khu phố 5, phường Tăng Nhơn P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Huỳnh Văn Lư. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 264 Man Th, khu phố 5, phường Tăng Nhơn P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc M. (vắng mặt)

Địa chỉ: số 2/9 Đường số 10, phường Bình Trưng T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền : Ông Dương Lê P. Trú tại: 1011/4 Nguyễn X, KP Long B, phường Long B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Đại diện theo Giấy ủy quyền lập ngày 07/12/2021 lập tại Phòng Công chứng số 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, các tài liệu thể hiện trong hồ sơ cùng lời trình bày của các đương sự tại Tòa án như sau:

Nguyên đơn:

Phần đất có diện tích 428,8 m² thuộc thửa 199, tờ bản đồ số 26, phường Tân Ph, Quận 9 (nay là phường Tân Ph, thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng của hộ bà Lương Thị B theo Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 14/11/2003 của Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 01/04/2009 bà Lương Thị B, ông Huỳnh Văn Lư lập hợp đồng chuyển nhượng cho ông Phạm Văn L, ngày 03/4/2009 hai bên lập hợp đồng ủy quyền với nội dung bà B cho ông L thay mặt bà B liên hệ với các cơ quan chức năng làm thủ tục xin cấp và nhận giấy chứng nhận của phần đất có diện tích 428,8 m² thuộc thửa 199, tờ bản đồ số 26, phường Tân Ph, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L, bà B đã giao phần đất trên cùng các giấy tờ của phần đất (Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 14/11/2003 của Ủy ban nhân dân Quận 9, bản vẽ...) cho ông L quản lý, sử dụng từ năm 2009 đến nay. Đến tại thời điểm này, bà B cũng như ông L chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với phần đất chuyển nhượng nói trên do nằm trong quy hoạch theo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với dự án của Công ty TNHH Lâm sản Mỹ nghệ S nay là công ty cổ phần du lịch Văn hóa S.

Bà B, ông L thừa nhận phần đất đã chuyển nhượng xong, ông L được toàn quyền quyết định thửa đất cũng như các cây trồng trên thửa đất đó.

Theo ông L, thửa đất chuyển nhượng là thổ vườn, từ lúc giao đất thì hiện trạng trên đất bà B giao có trồng nhiều loại cây, có những loại cây lâu năm cao lớn khoảng 20m do gia đình bà B trồng sẵn. Khi nhận đất ông L có rào chắn giữ gìn. Đến năm 2017 thì ông L nhận được tin báo là Công ty cổ phần Du lịch Văn hóa S có nhân viên đến tháo rào chặt cây trên mảnh đất của ông.

Ngay sau đó ông L đã có đơn khiếu nại gửi đến chính quyền địa phương nhờ can thiệp giải quyết đòi bồi thường giá trị của các cây mà công ty đã chặt. Ủy ban phường nhiều lần mời giải quyết, tại các biên bản ngày 12/6/2017 ngày 15/11/2017 và 24/01/2018 phía công ty cũng đã thừa nhận có chặt cây và xác định số cây đã chặt trong đó có 08 cây tràm bông vàng. Bên phía công ty chỉ đề nghị bồi thường cho ông L 08 cây này với giá là 15.000.000 đồng. Xét thấy không thỏa đáng và công ty cũng không chịu thực hiện nên ông L đã khởi kiện đến Tòa để nhờ giải quyết.

Ông L xác định còn nhiều gốc cây tràm bông vàng do bị đơn đã chặt nhưng ông chỉ đòi 08 cây tràm bông vàng là cây lâu năm có giá trị lớn, có hình chụp các gốc cây theo hình ảnh mà Công ty cổ phần Thẩm định giá Thành Đô đã chụp ngày 21/7/2020 đính kèm trong Chứng thư và báo cáo thẩm định giá ngày 05/10/2020.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu bị đơn phải bồi thường cho ông 08 cây tràm bông vàng tương ứng với giá trị 80.000.000 đồng căn cứ theo chứng thư thẩm định của Công ty cổ phần Thẩm định giá Thành Đô.

Bị đơn : Công ty cổ phần Du lịch Văn hóa S.

-Tại bản tự khai ngày 07/6/2018 của bà Chế Thị Hà My (Là người đại diện theo ủy quyền ủy quyền số 06/2018/UQ-ST ngày 07/6/2018):

Ngày 21/3/2003, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1028/QĐ-UB về việc thu hồi và cho Công ty TNHH Lâm sản Mỹ nghệ S nay là Công ty cổ phần du lịch Văn hóa S thuê đất để đầu tư mở rộng khu lâm trại S tại phường Tân Ph, Quận 9. Diện tích thu hồi và cho Công ty TNHH Lâm sản Mỹ nghệ S nay là Công ty cổ phần du lịch Văn hóa S thuê là 471.275m² trong đó có 1.399 m² thuộc trọt thửa 199 và một phần thửa 201 tờ bản đồ số 26 do ông Huỳnh Văn G, bà Lương Kh đứng tên chủ sử dụng đất. Ngày 02/10/2003, bên công ty và ông G đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ diện tích 1.399 m² đất nông nghiệp nêu trên bao gồm cả công trình xây dựng, cây trồng ...có trên đất. Công ty đã thanh toán và hoàn tất công tác nhận bàn giao mặt bằng từ ông G vào ngày 05/10/2003. Tất cả quá trình chuyển nhượng này đều có sự chứng kiến của ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Thị Thanh Gi (con ruột ông G, bà Kh đã chết). Kể từ ngày 05/10/2003 đến nay, thửa đất do Công ty cổ phần du lịch Văn hóa S trực tiếp quản lý sử dụng và không có tranh chấp. Tại hồ sơ khởi kiện tại Tòa, ông L chỉ cung cấp duy nhất văn bản ủy quyền của bà B cho ông được tiến hành làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thay cho bà. Ngoài ra ông không cung cấp bằng chứng gì chứng minh ông là chủ sở hữu, người thực sự trồng những cái cây bị chặt, hoặc người sử dụng đất hợp pháp theo quy định của Luật đất đai. Do đó việc ông L tự nhận là chủ sở hữu cây trồng trên thửa đất 199 tờ bản đồ 26 và yêu cầu bồi thường số cây bị chặt là không có căn cứ. Do đó đề nghị Tòa xem xét và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L.

-Ông Nguyễn Đình T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (theo Giấy ủy quyền số 13/2019/GUQ ngày 09/4/2019) trình bày:

Bị đơn thừa nhận có chặt đồn số cây trên thửa đất mà ông L đã khởi kiện. Nhưng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp ngày 02/10/2003 thì ông Huỳnh Văn G chuyển nhượng cho bị đơn phần đất có diện tích 1.399 m² lô 201-1, 201-2 tờ bản đồ số 26, phường Tân Ph, Quận 9, Thành phố Hồ

Chí Minh là có cả phần đất 428,8 m² thuộc thửa 199, tờ bản đồ số 26, phường Tân Ph, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh mà ông L khởi kiện các cây tràm bông vàng bị chặt đốn trên đó. Do đã nhận chuyển nhượng từ ông G nên năm 2005 bị đơn tiến hành chặt số cây trên phần đất này trong đó có các cây tràm bông vàng mà nguyên đơn đang khởi kiện. Từ lúc chặt cây thì bà B đã khiếu nại và Ủy ban phường nhiều lần giải quyết, trong đó có biên bản lập ngày 28/02/2005 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Ph bà B có khai các cây trên phần đất nêu trên là của ông G và do ông G chưa trả tiền cho bà nên bà không đồng ý cho bị đơn chặt cây. Ngoài thời gian chặt cây này thì bị đơn không tiến hành chặt cây thêm lần nào nữa.

Ông L không có giấy tờ chứng minh ông là chủ sở hữu, người thực sự trồng những cái cây bị chặt hay người sử dụng đất hợp pháp theo quy định của Luật Đất đai nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L. Bị đơn không đồng ý với giá trị các cây tràm bông vàng được xác định theo Chứng thư và báo cáo thẩm định giá ngày 05/10/2020 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Thành Đô nhưng bị đơn không yêu cầu Tòa án thẩm định giá lại, định giá lại. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn không biết việc Ủy ban nhân dân Quận 9 giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà B với ông G vào năm 2003. Khi chuyển nhượng cho bị đơn, ông G cũng cam kết đất không tranh chấp. Sau khi biết nội dung Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 14/11/2003, bị đơn không có ý kiến, không khiếu nại cũng không khởi kiện Quyết định này. Do bị đơn nhận chuyển nhượng với ông G nên bị đơn yêu cầu Tòa án đưa ông G vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do việc chuyển nhượng đã hoàn tất nên bị đơn không có tranh chấp, không có yêu cầu gì với ông G và các con ông G, không tranh chấp quyền sử dụng đất với ông L. Bị đơn cũng không biết ông G và các con hiện nay đang cư trú tại đâu. Đối với biên bản xem xét thẩm định của Tòa, bị đơn không có ý kiến gì, không khiếu nại gì.

Bị đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện khi giải quyết vụ án vì đây là tranh chấp về bồi thường thiệt hại, năm 2005 bị đơn chặt cây, năm 2009 ông L nhận chuyển nhượng đất của bà B, ông L biết việc chặt cây từ năm 2009 nhưng đến ngày 27/2/2018, ông L mới đi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 588 Bộ luật dân sự năm 2015 do đó đề nghị Tòa án áp dụng điểm e Khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Văn L (Giấy chứng nhận kết hôn số 56 quyền số 01 do Ủy ban nhân dân thị trấn Thủ Đức, huyện Thủ Đức cấp ngày 06/3/1989), phần đất ông L nhận chuyển nhượng của bà B vào năm 2009 là tài sản của bà và ông L, bà thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông L.

2/Bà Lương Thị B: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà B trình bày:

Phần đất có diện tích 428,8 m² thuộc thửa 199, tờ bản đồ số 26, phường Tân Ph, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc của má bà là Lương Thị Kìa tạo lập. Năm 2002, bà Kìa bán phần đất này cho bà đã có các cây trồng trên đất (các cây

này do má bà trồng, có nhiều loại cây mà chủ yếu là cây tràm bông vàng). Tại giấy bán đất này có chữ ký của bà Kia và các con bà Kia. Sau đó bà Bé và ông G xảy ra tranh chấp, gia đình bà Bé đã được Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức) giao cho quyền sử dụng phần đất có diện tích 428,8 m² thuộc thửa 199, tờ bản đồ số 26, phường Tân Ph, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 14/11/2003. Sau khi nhận quyết định này đến nay không ai có khiếu nại gì. Các thành viên trong hộ gia đình bà B tại thời điểm năm 2003 gồm có: Bà Bé, ông Lư (chồng) và hai con là: Lương Thị D, sinh năm 1983, và Huỳnh Thanh Sơn, sinh năm 1985 (đã chết ngày 16/11/2009 theo Giấy chứng tử số 69 quyền số 1 do Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 cấp ngày 18/11/2009).

Năm 2009, bà và ông Lư có chuyển nhượng phần đất trên cho ông L theo Hợp đồng đặt cọc ngày 01/4/2009 và hợp đồng ủy quyền ngày 03/4/2009 mà ông L đã trình bày ở trên. Theo hợp đồng này thì bà chuyển nhượng xong cho ông L, bà đã giao đất cùng các giấy tờ liên quan đến phần đất (Quyết định 531, bản vẽ...) cho ông L nên bà không còn liên quan và nay cũng không tranh chấp gì với ông L, không có ý kiến gì về việc ông L khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường giá trị 08 cây tràm bông vàng trên phần đất đã chuyển nhượng này. Ngoài Hợp đồng đặt cọc ngày 01/4/2009 và hợp đồng ủy quyền ngày 03/4/2009 thì bà và ông L không hợp đồng nào khác. Đến tại thời điểm này, cả bà B và ông L cũng chưa được cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất nêu trên.

Bị đơn có xuất trình biên bản hòa giải ở phường 28/02/2005, bà B có ý kiến: Hòa giải ở phường nhiều lần, lập nhiều biên bản, bên phía công ty đều đồng ý bồi thường, nhưng tại biên bản này bà không đồng ý với nội dung vì nguồn gốc đất kể cả cây trồng trên đất đều là của bà chứ không phải của ông G. Bà không có khai như nội dung của biên bản do Ủy ban nhân dân phường Tân Ph lập ngày 28/02/2005 mà phía bị đơn cung cấp cho Tòa. Bà B xác định cả hai lần bị đơn chặt cây đều là chặt cây trên phần đất 428,8 m² thuộc thửa 199, tờ bản đồ số 26, phường Tân Ph, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh của bà. Do đất này đã chuyển nhượng cho ông L thì ông L có toàn quyền quyết định và được hưởng số cây trồng đó. Bà và gia đình không có tranh chấp hay ý kiến gì về việc sử dụng đất của ông L. Ông L có quyền khởi kiện đề đòi bồi thường số cây bị chặt đốn này.

Đối với ông Huỳnh Văn G thì bà B được biết ông G đã chết năm 2017 còn hai người con của ông G là Huỳnh Văn C, Huỳnh Thị Thanh Gi hiện nay ở đâu bà cũng không rõ. Bà không tranh chấp gì với ông G và các con ông G, không tranh chấp gì với ông L và bị đơn. Bà không có ý kiến, không khiếu nại gì với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ cũng như kết quả thẩm định giá tài sản. Ông L được quyền khởi kiện và thụ hưởng những cây trồng trên đất.

Ông Huỳnh Văn Lư trong quá trình làm việc và tại phiên tòa:

Ông Lư thống nhất với trình bày của bà Lương Thị B, ông và bà B đã chuyển nhượng phần đất 428,8 m² thuộc thửa 199, tờ bản đồ số 26, phường Tân Ph, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông L nên phần cây cối trên đất cũng thuộc quyền sở hữu của ông L. Ông không có ý kiến về việc tranh chấp này.

Bà Lương Thị D có đơn ghi ngày 07/5/2021 đề nghị cho bà được vắng mặt tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi kết thúc vụ kiện tại Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 2000/2021/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn L về việc buộc Công ty cổ phần Du lịch Văn hóa S phải bồi thường 08 (tám) cây trăm hoa vàng đã bị chặt hiện chỉ còn gốc trên phần đất có diện tích 428,8 m² thuộc thửa 199, tờ bản đồ số 26, phường Tân Ph, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh, theo Chứng thư và báo cáo thẩm định giá ngày 05/10/2020 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Thành Đô có giá trị là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn L phải chịu là 4.000.000đ (bốn triệu đồng), được cân trừ vào 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2017/0039034 ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; Ông L còn phải nộp thêm 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá tài sản: Nguyên đơn phải chịu (đã thực hiện xong).

3/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi bản án tuyên, ngày 15 tháng 11 năm 2021 nguyên đơn ông Phạm Văn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ngọc M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với nội dung không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Dương Lê P là người đại diện cho nguyên đơn ông Phạm Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty Cổ phần du lịch Văn hóa S phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông L 08 cây trăm bông vàng, với giá trị là 80.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Đình Tiếp là người đại diện cho bị đơn Công ty Cổ phần du lịch Văn hóa S không đồng ý với yêu cầu kháng cáo, đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc ban hành, tổng đạt thông báo thụ lý phúc thẩm, Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, việc tuân theo pháp luật của đương sự, Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong giai đoạn phúc thẩm thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua toàn bộ chứng cứ thể hiện trong hồ sơ cùng lời trình bày của các đương sự, có cơ sở xác định Công ty Cổ phần du lịch Văn hóa S đã chặt 08 cây

trám bông vàng mà ông L khởi kiện, 08 cây trám này có đủ cơ sở xác định thuộc quyền sở hữu của ông L, do đó Công ty Cổ phần du lịch Văn hóa S có nghĩa vụ bồi thường cho ông L số cây này tương đương giá trị 80.000.000 đã được thẩm định giá.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc M làm trong hạn luật định nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt và được tổng đạt hợp lệ nên xét xử vắng mặt theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Quan hệ pháp luật, các đương sự tham gia tố tụng và thời hiệu khởi kiện Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

[2]. Về kháng cáo của các đương sự:

[2.1] Ông L, bà M kháng cáo yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần du lịch Văn hóa S phải bồi thường 08 (tám) cây trám bông vàng mà bị đơn đã chặt đốn, giá trị là 80.000.000 đồng căn cứ vào chứng thư thẩm định giá ngày 05/10/2020 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Thành Đô.

Bị đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo này.

[2.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn xác định 08 cây trám bông vàng này thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn. Nguồn gốc của các cây này có từ việc chuyển nhượng thửa đất của bà Lương Thị B, ông Huỳnh Văn Lư. Bà B được Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức) công nhận theo Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 14/11/2003. Quyết định này không có ai khiếu nại cũng như bị khởi kiện tại Tòa án. Năm 2009 bà B đã chuyển nhượng cho nguyên đơn và nguyên đơn sử dụng đến nay.

Tại tòa bà B, ông Lư đều thừa nhận những cây này được trồng trên phần đất mà ông bà đã chuyển nhượng cho ông L nên ông L được toàn quyền thụ hưởng. Do vậy, việc ông L khởi kiện để đòi bồi thường khi tài sản bị thiệt hại là chính đáng. Từ cơ sở này nên ông L khởi kiện yêu cầu bồi thường 08 cây trám bông vàng bị chặt đốn có giá trị 80.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.3]. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lương Thị B, ông Huỳnh Văn Lư thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn ông L là đúng, ông bà là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất có diện tích 428,8 m² thuộc thửa 199, tờ bản đồ số 26, phường Tân Ph, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức) công nhận theo Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 14/11/2003. Toàn bộ diện tích đất này đã chuyển nhượng cho ông L từ

năm 2009 và đã giao cho ông L sử dụng từ đó đến nay. Từ lúc chuyển nhượng đã có các loại cây trồng trên đất như đã trình bày trên. Nay, ông bà đồng ý việc ông L khởi kiện và được toàn quyền thụ hưởng tài sản là các cây trồng trên đất. Xác định không còn liên quan đến thửa đất này nữa vì đã chuyển nhượng xong cho ông L.

[2.4].Đại diện bị đơn tại tòa thừa nhận bị đơn có chặt đốn số cây tại thửa đất số 199, tờ bản đồ số 26, diện tích 428,8 m² là thửa đất mà nguyên đơn khởi kiện, trong đó có 08 (tám) cây tràm bông vàng nhưng thửa đất này phía bị đơn đã thỏa thuận bồi thường về đất, cây trồng cho ông Huỳnh Văn G (ông G là anh rể của bà B), giữa hai bên có lập văn bản. Còn Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 14/11/2003 mà Ủy ban công nhận phần đất này cho bà B thì bị đơn không biết. Nay bị đơn không có ý kiến gì về Quyết định này, không khiếu nại, cũng không khởi kiện và cũng không có tranh chấp với bất kỳ đối tượng nào trong vụ án này. Đại diện bị đơn cũng thừa nhận các biên bản ngày 12/6/2017, 15/11/2017 và 24/01/2018 của Ủy ban nhân dân Phường Tân Phú đã giải quyết phía bị đơn đồng ý thỏa thuận bồi thường cho ông L 15.000.000 đồng, nhưng do bị đơn trước đây đã bồi thường cho ông G nên nay không tiếp tục bồi thường cho ông L. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Nay đại diện bị đơn xác định không có tranh chấp gì với bên ông G. Hiện không biết ông G ở đâu, không liên lạc với gia đình ông G.

[2.5]Xét thấy, vụ án này các bên đương sự chỉ tranh chấp về đòi bồi thường thiệt hại về 08 cây tràm bông vàng đã bị chặt đốn, không có tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất, nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết về yêu cầu bồi thường thiệt hại của các đương sự.

[2.6].Xét về nguồn gốc tài sản (08 cây tràm bông vàng) mà đương sự yêu cầu giải quyết: 08 (Tám) cây tràm này nằm trên phần đất có diện tích 428,8m² mà trước đây bà B và ông G tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân Quận 9 giải quyết theo Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 14/11/2003 công nhận cho bà B được quyền sử dụng, nên có cơ sở xác định bà B có đủ điều kiện về quyền sử dụng đất theo Điều 50 Luật Đất đai 2003 (Điều 100 Luật Đất đai 2013). Tuy việc chuyển nhượng giữa bà B và ông L chưa hoàn chỉnh về hình thức nhưng bà B ông L thừa nhận đã nhận đủ tiền và giao đất cho bên nhận chuyển nhượng là ông L sử dụng từ năm 2009 đến nay nên các loại cây trồng mà bà B và ông L là chủ đất cũ đã trồng thì ông L được thụ hưởng.

Mặt khác, đại diện phía bị đơn cũng xác định đúng số lượng cây đã chặt, vị trí cây trồng trên đất như nguyên đơn trình bày, đồng thời tại các biên bản hòa giải 12/6/2017 ngày 15/11/2017 và 24/01/2018 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Ph (quận Thủ Đức nay là thành phố Thủ Đức) phía bị đơn đề nghị giá bồi thường cho ông L 08 cây tràm là 15.000.000 đồng nhưng ông L đã không đồng ý về giá. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định số cây này hoàn toàn thuộc về quyền sở hữu của ông L và việc ông L khởi kiện yêu cầu bồi thường là có căn cứ.

Việc đại diện bị đơn cho rằng đã bồi thường giá trị 08 cây tràm cho ông G nên nay không đồng ý bồi thường cho ông L, lập luận này là không đúng vì bị đơn phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho chính người bị thiệt hại, bị đơn có thể tranh chấp với ông G trong vụ kiện khác.

Đối với ý kiến của ông T đại diện bị đơn cho rằng đã chặt đốn cây từ năm 2005 và đề nghị xem xét thời hiệu để đình chỉ yêu cầu khởi kiện, tuy nhiên bà B là

chủ đất cũ xác định trên đất này công ty đã chặt đốn hai lần và ông L chứng minh được công ty chặt đốn lần 2 vào năm 2017, lúc này ông đã khiếu nại ngay chính quyền địa phương và phía công ty đã đồng ý bồi thường cho cả 08 cây tràm bông vàng. Như vậy, việc khởi kiện của ông L là còn thời hiệu, đúng quy định của pháp luật nên không có cơ sở để đình chỉ vụ án.

[2.7]. Về giá trị các cây trồng mà ông L yêu cầu, theo chứng thư thẩm định giá ngày 05/10/2020 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Thành Đô thì loại cây mà ông L yêu cầu bồi thường là loại cây tràm bông vàng, có giá trị 80.000.000 đồng, các gốc cây bị chặt còn lưu giữ hiện trạng. Tất cả các bên đương sự tại phiên tòa không có khiếu nại, không ý kiến gì, không có yêu cầu thẩm định lại nên giá trị này được chấp nhận.

[3]. Từ nhận định trên, chấp nhận kháng cáo của ông L, bà M. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và sửa bản án sơ thẩm.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cùng quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự và chi phí tố tụng khác.

[5.1]. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.000.000 (bốn triệu) đồng. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5.2]. Các bên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5.3]. Bị đơn phải chịu chi phí thẩm định giá là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Nguyên đơn ông L đã tạm nộp, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán lại cho nguyên đơn.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 589 Bộ Luật dân sự năm 2015; Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc M. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 2000/2021/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L về yêu cầu “bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Buộc Công ty Cổ phần du lịch Văn hóa S phải bồi thường cho ông Phạm Văn L 08(tám) cây tràm bông vàng với giá trị là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần Văn hóa du lịch Suối Tiên phải chịu 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

- Hoàn lại cho ông L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.000.000 (một triệu) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số

AA/2017/0039034 ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho ông L 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0024692 ngày 19/11/2021 của Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Công ty Cổ phần Văn hóa du lịch Suối Tiên phải chịu số tiền chi phí thẩm định giá là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, số tiền này ông L đã tạm nộp, Công ty Cổ phần Văn hóa du lịch Suối Tiên phải hoàn lại cho ông L.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối Cao;
- Tòa án nhân dân Cấp Cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp Cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim